

Phụ lục 01
MỨC CHI CÔNG TÁC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 120 /2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND thành phố Đà Nẵng khóa VIII, nhiệm kỳ 2011-2016, kỳ họp thứ 15)

Dvt: Đồng

| STT | Nội dung | Đơn vị tính | Mức chi | Ghi chú |
|-----------|---|-------------|---|---|
| I | Thanh toán tiền phương tiện đi công tác | | Theo giá ghi trên vé, hoá đơn mua vé, hoặc giấy biên nhận của chủ phương tiện | Căn cứ quy định về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong nước, căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, tính chất công việc của chuyến đi công tác và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét duyệt thanh toán tiền phương tiện đi công tác bằng máy bay, tàu hoả, ô tô hoặc phương tiện thô sơ bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả |
| II | Thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác: Áp dụng đối với đối tượng cán bộ lãnh đạo có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô đưa đi công tác nhưng cơ quan không bố trí được xe ô tô cho người đi công tác mà người đi công tác phải tự túc phương tiện khi đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10km trở lên (đối với miền núi khó khăn, vùng sâu); từ 15km trở lên (đối với vùng còn lại) | | Theo số km thực tế và đơn giá thuê xe | Đơn giá thuê xe do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định căn cứ theo số km thực tế với mức giá thuê phổ biến đối với phương tiện loại trung bình tại địa phương và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị |

| | | | | |
|------------|--|-----------------|--|--|
| III | Phụ cấp lưu trú | | | |
| 1 | Phụ cấp lưu trú đi công tác | Đồng/ngày/người | 150.000 | |
| 2 | Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày) | Đồng/ngày/người | 100.000 | Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định cho phù hợp trên cơ sở các tiêu chí: căn cứ số giờ thực tế đi công tác trong ngày, theo thời gian làm việc ngoài giờ hành chính (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác... và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị |
| 3 | Trường hợp đi công tác trên biển, đảo | Đồng/ngày/người | 200.000 | Tính cho ngày thực tế đi biển, đảo |
| IV | Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác | | | |
| 1 | Thanh toán tiền đi công tác theo hình thức khoán | | | |
| a | Đi công tác tại quận thuộc thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh | Đồng/ngày/người | 350.000 | |
| b | Đi công tác tại các huyện thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tại thành phố, thị xã thuộc tỉnh | Đồng/ngày/người | 250.000 | |
| c | Đi công tác tại các vùng còn lại | Đồng/ngày/người | 200.000 | |
| d | Trường hợp cán bộ đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày, hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại từ 18h đến 24h cùng ngày, thì được thanh toán tiền nghỉ của nửa ngày nghỉ thêm | Đồng/ngày/người | Mức chi bằng 50% mức khoán phòng tương ứng | |

| | | | | |
|---|---|--|-----------|---------------------|
| 2 | Trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán nêu tại khoản 1 mục IV phần A thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế | | | Có hoá đơn hợp pháp |
| a | Đi công tác tại các quận thuộc thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh | | | |
| - | Đối với Chủ tịch UBND thành phố và các chức danh tương đương có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên | Đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/phòng | 1.200.000 | |
| - | Đối với Phó Chủ tịch UBND thành phố và các chức danh tương đương có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,05 đến dưới 1,25 | Đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng | 1.000.000 | |
| - | Đối với cán bộ, công chức có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 đến dưới 1,05 | Đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng | 900.000 | |
| - | Đối với cán bộ, công chức còn lại | Đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng | 800.000 | |
| b | Đi công tác tại các vùng còn lại | | | |
| - | Đối với Chủ tịch UBND thành phố và các chức danh tương đương có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên | Đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/phòng | 1.000.000 | |
| - | Đối với Phó Chủ tịch UBND thành phố và các chức danh tương đương có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,05 đến dưới 1,25 | Đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng | 700.000 | |

| | | | | |
|---|---|--|-----------|--|
| - | Đối với cán bộ, công chức có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 đến dưới 1,05 | Đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng | 600.000 | |
| - | Đối với cán bộ, công chức còn lại | Đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng | 500.000 | |
| c | Trường hợp đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới | | | |
| - | Đi công tác tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh | | | |
| + | Đối với Phó Chủ tịch UBND thành phố và các chức danh tương đương có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,05 đến dưới 1,25 | Đồng/ngày/phòng | 1.000.000 | |
| + | Đối với cán bộ, công chức có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 đến dưới 1,05 | Đồng/ngày/phòng | 900.000 | |
| + | Đối với cán bộ, công chức còn lại | Đồng/ngày/phòng | 800.000 | |
| - | Đi công tác tại các vùng còn lại | | | |
| + | Đối với Phó Chủ tịch UBND thành phố và các chức danh tương đương có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,05 đến dưới 1,25 | Đồng/ngày/phòng | 700.000 | |
| + | Đối với cán bộ, công chức có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 đến dưới 1,05 | Đồng/ngày/phòng | 600.000 | |
| + | Đối với cán bộ, công chức còn lại | Đồng/ngày/phòng | 500.000 | |

| | | | | |
|----------|--|------------------|--|--|
| d | Trường hợp cán bộ, công chức được cử đi công tác cùng đoàn với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn thuê phòng khách sạn cao hơn tiêu chuẩn của cán bộ công chức | | Được thanh toán theo mức giá thuê phòng thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (phòng standard) tại khách sạn nơi các chức danh lãnh đạo nghỉ và theo tiêu chuẩn 02 người/phòng | |
| V | Thanh toán khoản tiền công tác phí theo tháng | | | |
| 1 | Đối với cán bộ xã, phường thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng | Đồng/tháng/người | 300.000 | |
| 2 | Đối với cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, đơn vị sự nghiệp còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: Văn thư; kế toán giao dịch; cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng; cán bộ các cơ quan tổ tụng đi điều tra, kiểm sát, xác minh, tổng đạt...) | Đồng/tháng/người | 300.000 | |

Phụ lục 02

MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC CUỘC HỘI NGHỊ ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 120 /2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND thành phố Đà Nẵng khóa VIII, nhiệm kỳ 2011-2016, kỳ họp thứ 15)

Dvt: Đồng

| STT | Nội dung | Đơn vị tính | Mức chi | Ghi chú |
|------------|---|-------------------------------|----------------|---|
| I | Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không hưởng lương từ ngân sách nhà nước | | | |
| 1 | Hội nghị tổ chức tại địa điểm các quận | Đồng/ngày/người | 150.000 | |
| 2 | Hội nghị tổ chức tại địa điểm huyện | Đồng/ngày/người | 100.000 | |
| 3 | Hội nghị do xã, phường tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức) | Đồng/ngày/người | 60.000 | |
| II | Chi hỗ trợ tiền nghỉ cho đại biểu là khách mời ở ngoài thành phố, không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (Hội nghị cấp thành phố, quận huyện và phường, xã) | Đồng/ngày/người | 350.000 | Phải có chứng từ thanh toán theo quy định |
| III | Chi nước uống: Áp dụng đối với cuộc họp, hội nghị cấp thành phố, quận huyện và phường, xã | Đồng/ngày (02 buổi)/ đại biểu | 30.000 | |